TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 9 - 2023
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình " Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị A, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: tổ I, khóm P, TT C, huyện P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0707.999.151;

2. *Bị đơn:* anh Chiêm Minh T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: tổ I, khóm P, TT C, huyện P, tỉnh An Giang.

(chị A xin vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải, nguyên đơn chị Phan Thị A trình bày: Chị và anh T quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2009, đăng ký kết hôn tại U, huyện P, tỉnh An Giang theo giấy kết hôn số 76/2010, ngày 27/5/2010, sau khi cưới chung sống gần bên gia đình chị, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó cùng đi lên tỉnh Long An

làm công nhân đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, anh T sống theo kiểu gia trưởng nói không nghe là ảnh đánh, xảy ra nhiều lần đến tháng 10/2022 ly thân cho đến nay, khi ly thân đến nay cũng không có hàn gắn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T

- Con chung có 2 đứa tên Chiêm Thị Hồng N, sinh ngày 05/10/2010, Chiêm Bảo M, sinh ngày 14/02/2017, hiện 02 con chung đang sống với chị. Nay ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: khi khởi kiện có yêu cầu phân chia 02 xe mô tô, do anh T không đến (không hợp tác), nay chị không yêu cầu Toà án giải quyết, khi cần chị sẽ tranh chấp sau

- Về nợ phải thu, phải trả: không có

* Anh Chiêm Minh T vắng mặt từ khi Toà án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên anh T được tống đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, chị A có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt anh T và chị A theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị do hai người tự tìm hiểu được cha mẹ chấp thuận tổ chức lễ cưới năm 2009, đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân U, huyện P, tỉnh An Giang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, anh T sống theo kiểu gia trưởng khó khăn trong cuộc sống, xảy ra nhiều lần ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, đến tháng 10/2022 ly thân cho đến nay, sau khi ly thân hai bên không liên lạc tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị A yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của chị Phan Thị T1 (chị ruột chị A), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên Chiêm Thị Hồng N, sinh ngày 05/10/2010 và Chiêm Bảo M, sinh ngày 14/02/2017, hiện 02 con chung là N và M đang sống với chị A. Nay ly hôn chị A yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung là N và M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, từ khi ly thân đến nay chị A cũng chăm sóc 2 cháu chu đáo, cuộc sống ổn định, cháu N có nguyện vọng sống với chị A, do đó đề nghị HĐXX chấp nhận giao 2 con chung cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên, anh T không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị A yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, chị có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình; bị đơn anh T đã được tống đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của anh, chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay anh T cư trú tại: khóm P, TT C, huyện P, tỉnh An Giang, nên chị A khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: chị A xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp là " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị do hai người tự tìm hiểu, hai bên cha mẹ đồng ý tổ chức lễ cưới 2009, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân U, huyện P, tỉnh An Giang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, anh T sống theo kiểu gia trưởng khó khăn trong cuộc sống, xảy ra nhiều lần ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, đến tháng 10/2022 ly thân cho đến nay, sau khi ly thân hai bên không liên lạc tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị A yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của Phan Thị T1 (chị ruột chị A), để anh chị có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con tên Chiêm Thị Hồng N, sinh ngày 05/10/2010 và Chiêm Bảo M, sinh ngày 14/02/2017, hiện 02 con chung đang sống với chị A. Nay ly hôn chị A yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hiện 2 con chung đang do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, hai cháu cũng được chăm sóc chu đáo, cháu N có nguyện vọng sống với chị A, nên HĐXX giao 02 cháu cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh T không phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị A khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh T, chị A phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí: chị Phan Thị A là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị A đối với anh Chiêm Minh T.

- Về hôn nhân: chị Phan Thị A được ly hôn với anh Chiêm Minh T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76/2010, ngày 27/5/2010 của U, huyện P, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực.

- Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Chiêm Thị Hồng N, sinh ngày 05/10/2010 và Chiêm Bảo M, sinh ngày 14/02/2017 cho chị Phan Thị A nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh Chiêm Minh T không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phan Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006292 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Chiêm Minh T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND TT Chợ Vàm, H.Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Chiến